

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG  
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 437 /CNG - TCKT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2011

V/v: Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2011  
đã được soát xét.

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty  
- Ban Kiểm soát

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sửa đổi lần 4) được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 14/04/2011, Công ty xin trình Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 đã được soát xét.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên, Lưu
- Thư ký Cty (để đăng web)
- Lưu VT, TCKT, Th.02



Đặng Văn Vĩnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

(*Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Chirstoppher Đỗ Nghĩa	Thành viên
Bà Đinh Thị Thủy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Trinh	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2011)

#### Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *[Signature]*

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CNG  
VIỆT NAM  
Đặng Văn Vĩnh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 7 năm 2011

Số. 11 /2012 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính.. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được soát xét kèm theo bao gồm số liệu trình bày của kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho mục đích so sánh. Chúng tôi không tiến hành soát xét cũng như kiểm toán các số liệu so sánh theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Đình Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 26 tháng 7 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Phạm Văn Tân  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>286.512.941.096</b>	<b>182.822.614.720</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	<b>75.312.486.151</b>	<b>92.714.464.442</b>
1. Tiền	111		5.312.486.151	23.714.464.442
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	69.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	<b>63.100.000.000</b>	<b>6.100.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		63.100.000.000	6.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>135.507.832.009</b>	<b>78.715.107.848</b>
1. Phải thu khách hàng	131		126.230.473.615	62.871.772.514
2. Trả trước cho người bán	132		1.089.314.720	8.224.765.005
3. Các khoản phải thu khác	135		8.188.043.674	7.618.570.329
IV. Hàng tồn kho	140	7	<b>7.867.373.579</b>	<b>4.802.428.530</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.867.373.579	4.802.428.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>4.725.249.357</b>	<b>490.613.900</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		974.184.300	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.766.739.608	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		984.325.449	490.613.900
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>312.299.873.752</b>	<b>176.753.616.245</b>
I. Tài sản cố định	220		<b>298.739.331.191</b>	<b>176.517.483.584</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	274.109.306.422	157.913.301.509
- Nguyên giá	222		326.929.505.897	188.547.553.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.820.199.475)	(30.634.251.587)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	3.045.411
- Nguyên giá	228		34.013.700	34.013.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.013.700)	(30.968.289)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	24.630.024.769	18.601.136.664
II. Tài sản dài hạn khác	260		<b>13.560.542.561</b>	<b>236.132.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.430.492.561	106.082.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		130.050.000	130.050.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>598.812.814.848</b>	<b>359.576.230.965</b>

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>265.981.154.887</b>	<b>126.399.745.644</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		<b>162.643.398.955</b>	<b>86.700.886.768</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	54.721.562.890	31.053.738.106
2. Phải trả người bán	312		78.073.854.574	37.970.883.592
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	9.294.518.002	1.687.716.046
4. Phải trả người lao động	315		8.423.850.960	5.537.569.912
5. Chi phí phải trả	316		10.187.394.123	9.746.471.676
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		561.239.879	704.507.436
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.380.978.527	-
II. Nợ dài hạn	330		<b>103.337.755.932</b>	<b>39.698.858.876</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	103.264.156.310	37.625.259.254
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.599.622	73.599.622
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	2.000.000.000
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	400		<b>332.831.659.961</b>	<b>233.176.485.321</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	<b>332.831.659.961</b>	<b>233.176.485.321</b>
1. Vốn cổ đông	411		162.499.430.000	125.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		36.858.546.241	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.141.013.212	610.000.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		120.636.990.508	105.870.805.321
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		<b>598.812.814.848</b>	<b>359.576.230.965</b>



Đặng Văn Vinh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 7 năm 2011

Lê Thị Thu Giang  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 02-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét)
			đến 30/6/2011	(Chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01		324.047.615.193	102.078.497.528
2. Doanh thu thuần	10		324.047.615.193	102.078.497.528
3. Giá vốn hàng bán	11		(169.914.860.342)	(59.379.553.376)
Lợi nhuận gộp	20		154.132.754.851	42.698.944.152
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	5.159.568.150	1.216.974.542
6. Chi phí tài chính	22	15	(13.103.078.210)	(3.379.808.774)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(10.929.204.898)	(3.359.051.234)
7. Chi phí bán hàng	24		(4.154.885.729)	(2.312.284.139)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(9.214.309.479)	(5.972.227.983)
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		132.820.049.583	32.251.597.798
10. Thu nhập khác	31		108.856.750	11.100.000
11. Chi phí khác	32		(1.317.576.074)	(1.011.772.728)
12. Lỗ khác	40		(1.208.719.324)	(1.000.672.728)
13. Lợi nhuận trước thuế	50		131.611.330.259	31.250.925.070
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	(13.564.562.844)	-
15. Lợi nhuận sau thuế	60		118.046.767.415	31.250.925.070
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>17</b>	<b>7.264</b>	<b>4.650</b>



Đặng Văn Vĩnh  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 7 năm 2011

Lê Thị Thu Giang  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét)
<b>I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	131.611.330.259	31.250.925.070
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	22.188.993.299	11.484.734.250
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	904.327.792	-
Chi phí lãi vay	06	10.929.204.898	3.359.051.234
Thu nhập từ lãi tiền gửi	07	(4.923.018.897)	(1.216.974.542)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	160.710.837.351	44.877.736.012
Tăng các khoản phải thu	09	(57.634.333.983)	(14.481.170.523)
Tăng hàng tồn kho	10	(3.064.945.049)	(1.289.174.127)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	48.602.936.602	(90.326.664)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(14.298.594.200)	144.930.270
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.452.517.520)	(3.359.051.234)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.449.728.702)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	34.258.010.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.510.044.248)	(27.960.844.248)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	114.903.610.251	32.100.109.486
<b>II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(153.711.590.152)	(7.145.480.056)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(57.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.504.177.562	1.216.974.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(208.207.412.590)	(5.928.505.514)
<b>III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	148.625.513.439	11.152.074.932
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.223.119.391)	(26.582.791.230)
3. Cổ tức đã trả	36	(12.500.570.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	75.901.824.048	15.430.716.298
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	(17.401.978.291)	10.740.887.674
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	92.714.464.442	36.053.940.395
	70	<u>75.312.486.151</u>	<u>46.794.828.069</u>

**BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 6.889.938.021 đồng (Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010: không đồng), là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong kỳ, Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 37.499.430.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Đặng Văn Vĩnh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 7 năm 2011

Lê Thị Thu Giang  
Kế toán trưởng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Các cổ đông chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 60,34%), IEV Energy SDN.BHD (sở hữu 5,45%), được thành lập tại Malaysia và IEV Group (sở hữu 10,76%), được thành lập tại Malaysia. Các cổ đông khác sở hữu 23,45% vốn cổ đông.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 150 người (năm 2010: 142 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LNG, quy mô 50.000.000 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG và LNG.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### 3. HƯỚNG DẪN KÉ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

## MẪU B 09-DN

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

### Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	6 - 8

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Tiền mặt	119.951.197	271.989.853
Tiền gửi ngân hàng	5.192.534.954	23.442.474.589
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	69.000.000.000
	<b>75.312.486.151</b>	<b>92.714.464.442</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 10,5% đến 14% (năm 2010: 8% đến 14%).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

**MẪU B 09-DN**

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	60.000.000.000	3.000.000.000
Cổ phiếu PVGas	3.100.000.000	3.100.000.000
	<b>63.100.000.000</b>	<b>6.100.000.000</b>

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 14% đến 15% và khoản đầu tư mua 100.000 cổ phiếu PVGas với giá trị cổ phiếu là 31.000 đồng/cổ phiếu.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên vật liệu	6.817.923.077	4.555.165.571
Công cụ, dụng cụ	41.502.353	21.507.480
Thành phẩm	1.007.948.149	225.755.479
	<b>7.867.373.579</b>	<b>4.802.428.530</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng. vật kiến trúc	Máy móc. thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	1.275.798.602	70.979.828.979	115.328.272.405	963.653.110	188.547.553.096
Tăng	-	-	-	69.490.000	69.490.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	35.066.053.150	103.262.405.841	-	138.328.458.991
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(15.996.190)	(15.996.190)
Tại ngày 30/6/2011	<b>1.275.798.602</b>	<b>106.045.882.129</b>	<b>218.590.678.246</b>	<b>1.017.146.920</b>	<b>326.929.505.897</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO Mòn LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2011	265.545.519	15.069.720.874	14.768.885.554	530.099.640	30.634.251.587
Khấu hao trong kỳ	63.789.930	7.484.451.453	14.487.572.420	162.998.525	22.198.812.328
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(12.864.440)	(12.864.440)
Tại ngày 30/6/2011	<b>329.335.449</b>	<b>22.554.172.327</b>	<b>29.256.457.974</b>	<b>680.233.725</b>	<b>52.820.199.475</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2011	<b>946.463.153</b>	<b>83.491.709.802</b>	<b>189.334.220.272</b>	<b>336.913.195</b>	<b>274.109.306.422</b>
Tại ngày 1/1/2011	<b>1.010.253.083</b>	<b>55.910.108.105</b>	<b>100.559.386.851</b>	<b>433.553.470</b>	<b>157.913.301.509</b>

Theo trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một số tài sản liên quan đến khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 211.022.416.446 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 157.913.301.509 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án CNG Việt Nam điều chỉnh	24.399.741.630	18.370.853.525
Dự án CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	230.283.139	230.283.139
	<b>24.630.024.769</b>	<b>18.601.136.664</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Công ty đã thế chấp xây dựng cơ bản dở dang trị giá tại 30 tháng 6 năm 2011 là 24.399.741.630 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2010: 18.370.853.525 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn thẻ hiện khoản trả trước tiền thuê diện tích 13.000 mét vuông đất tại Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 đến ngày 12 tháng 9 năm 2053.

### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.513.910.920
Thuế thu nhập cá nhân	179.683.860	173.805.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.114.834.142	-
	<u>9.294.518.002</u>	<u>1.687.716.046</u>

### 12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 6 tháng 5 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG Việt Nam. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với hạn mức tín dụng là 5.491.757 đô la Mỹ và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 7 năm 2012. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất một tháng bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,4% đối với đô la Mỹ và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 0,5% đối với đồng Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền được tạo ra từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại ngày 1 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng Việt Nam và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 tương đương là 211.022.416.446 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 157.913.301.509 đồng) và thế chấp giá trị xây dựng cơ bản dở dang trị giá 24.399.741.630 đồng tại 30 tháng 6 năm 2011 (Tại 31 tháng 12 năm 2010: 18.370.853.525 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

**MẪU B 09-DN**

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	54.721.562.890	31.053.738.106
Trong năm thứ hai	34.373.977.381	24.491.259.254
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>68.890.178.929</u>	<u>13.134.000.000</u>
	<b>157.985.719.200</b>	<b>68.678.997.360</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(54.721.562.890)</u>	<u>(31.053.738.106)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>103.264.156.310</u></b>	<b><u>37.625.259.254</u></b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần đã phát hành**

	30/6/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	16.249.943	12.500.000
Mệnh – giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>162.499.430.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	16.249.943	12.500.000
Mệnh – giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>162.499.430.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ đồng VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận giữ lại VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2010	67.200.000.000	-	-	-	6.070.673.205	73.270.673.205
Vốn đã góp trong năm	57.800.000.000	1.695.680.000	-	-	-	59.495.680.000
Phân phối quỹ	-	-	-	610.000.000	(2.150.000.000)	(1.540.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	105.310.132.116	105.310.132.116
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>1.695.680.000</b>	<b>-</b>	<b>610.000.000</b>	<b>105.870.805.321</b>	<b>233.176.485.321</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	118.046.767.415	118.046.767.415
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(12.500.570.000)	(12.500.570.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	37.499.430.000	-	-	-	-	37.499.430.000
Phân phối quỹ	-	-	36.858.546.241	10.531.013.212	(90.780.012.228)	(43.390.452.775)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>162.499.430.000</b>	<b>1.695.680.000</b>	<b>36.858.546.241</b>	<b>11.141.013.212</b>	<b>120.636.990.508</b>	<b>332.831.659.961</b>

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21 tháng 1 năm 2011, Công ty đã công bố chi trả cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 40%/mệnh giá cổ phần trong đó 10% tương đương với số tiền là

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

**MẪU B 09-DN**

12.500.000.000 đồng trả bằng tiền mặt và 30% tương đương với số tiền 37.499.430.000 đồng được thanh toán bằng việc phát hành 3.749.943 cổ phần phỗ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trong kỳ, Công ty cũng đã trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính với số tiền tương ứng là 36.858.546.241 đồng và 10.531.013.212 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2011.

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 27 tháng 4 năm 2011 chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên 162.499.430.000 đồng. Chi tiết góp vốn của các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	0	30.844.800.000	24,68
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	98.054.380.000	60,34	44.518.650.000	35,67
IEV Energy SDN.BHD	6.814.000.000	5,45	8.064.000.000	6,45
IEV Group	17.485.440.000	10,76	5.644.800.000	4,52

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét)	
	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	VND
Lãi tiền gửi	4.923.018.897	1.216.974.542
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.759.917	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	193.789.336	-
	<b>5.159.568.150</b>	<b>1.216.974.542</b>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét)	
	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	VND
Lãi tiền vay	10.929.204.898	3.359.051.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	176.361.244	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.093.221.408	20.757.540
Chi phí tài chính khác	904.290.660	-
	<b>13.103.078.210</b>	<b>3.379.808.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

**MẪU B 09-DN**

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) <u>VND</u>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>131.611.330.259</b>	<b>31.250.925.070</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Công: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.013.513.054	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>135.624.843.313</b>	<b>31.250.925.070</b>
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	13.856.750	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%	135.610.986.563	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 0%	-	31.250.925.070
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>13.564.562.844</b>	<b>-</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập nào được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	118.046.767.415	31.250.925.070
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.249.943	6.720.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.264</b>	<b>4.650</b>

**17. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) <u>VND</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.334.304.478	1.334.304.478

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

**MẪU B 09-DN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	2.356.230.956	2.668.608.956
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.175.411.824	8.175.411.824
Sau năm năm	<u>26.287.280.681</u>	<u>28.370.852.210</u>
	<b><u>36.818.923.461</u></b>	<b><u>39.214.872.990</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất, văn phòng và cơ sở hạ tầng tại Thành phố Vũng Tàu:

- Tổng số tiền thuê 3.200 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 1 tháng 8 năm 2007.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại số 351 Đường 30/4, Thành phố Vũng Tàu với giá thuê hàng tháng là 2.500 đô la Mỹ trong năm đầu tiên (từ ngày 20 tháng 12 năm 2008 đến ngày 20 tháng 12 năm 2010) và 2.750 đô la Mỹ trong năm thứ 2 và năm thứ 3 (từ ngày 21 tháng 12 năm 2010 đến ngày 20 tháng 12 năm 2011).
- Tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng với diện tích 6.800 m<sup>2</sup> tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 163.253.133 đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ ngày 7 tháng 5 năm 2008.

**18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) VNĐ	VNĐ
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>7.367.774.565</u>	<u>461.957.310</u>
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) VNĐ	VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>51.020.775</u>	<u>108.720.399</u>
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét) VNĐ	VNĐ
<b>Cỗ tức công bố và chi trả</b>		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	27.086.095.000	1.143.072.000
IEV Energy SDN.BHD	2.850.600.000	403.200.000
IEV Group	<u>2.257.920.000</u>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc với báo cáo tài chính

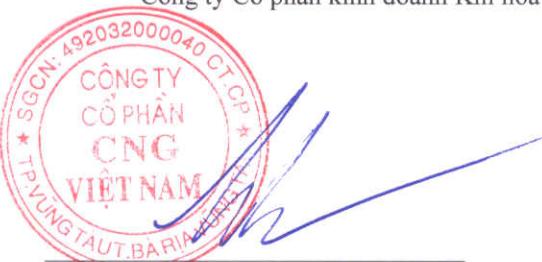
**MẪU B 09-DN**

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 (Chưa soát xét)
Lương, thưởng	<u>1.779.523.209</u>	<u>1.374.371.316</u>
	VND	VND

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2011	31/12/2010
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>5.370.655.960</u>	<u>156.618.445</u>



Đặng Văn Vĩnh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 7 năm 2011

Lê Thị Thu Giang  
Kế toán trưởng

